



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2024

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KHOÁ CỬ THI LẠI - KỲ THI THÁNG 03/2024

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi				Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Sử	
1	16000723	Nguyễn Thiên	Ân	26/09/2000	16TC-Ô1	5.5	7.0	9.0		
2	18000712	Lê Tuấn	Anh	27/01/2003	18T4-ĐCN1	5.0				
3	19001705	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	20/11/2002	19T4-NNA3	6.0	7.3	6.0		
4	20000626	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	31/05/2004	20T4-KTD1	5.0				
5	20001508	Trần Đặng Quốc	Anh	20/12/2005	20T4-NNA1	V	V	V		
6	20003069	Bùi Ngọc Như	Anh	12/12/2005	20T4-TĐH1	4.0	5.0	6.3		
7	19001408	Lê Huyền	Bảo	06/01/2004	19T4-CMT1		6.8			
8	19000491	Trương Gia	Bảo	10/09/2004	19T4-CNÔ3	3.3				
9	19001107	Lê Nhựt	Bảo	21/03/2004	19T4-CNÔ5	3.8	5.8	5.0		
10	20001450	Ngô Quốc	Bảo	01/01/2005	20T4-CĐT1	3.8	8.5	7.5		
11	20000611	Hoàng Phúc	Bảo	15/08/2005	20T4-CMT1	1.8	5.3	8.5		
12	20001915	Lê Đình Tiến	Bảo	25/09/2005	20T4-CMT1	3.5		8.0		
13	20001996	Vũ Gia	Bảo	21/10/2005	20T4-CNÔ5	5.5		7.5		
14	20001987	Hồng Chí	Bảo	11/03/2005	20T4-ĐHĐ1	3.0	5.5	V		
15	20001919	Đoàn Trần Trọng	Bảo	18/07/2005	20T4-LTM2	0.3		1.5		
16	20001734	Trần Gia	Bảo	21/12/2005	20T4-TKW1	3.3	V	V		
17	20002262	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	03/12/2005	20T4-KLB1		9.3			
18	17001163	Đàm Gia	Chấn	02/10/2002	17T4-KTD1	V	0.8	5.5		
19	20000988	Nguyễn Tôn Bảo	Chánh	04/03/2004	20T4-QTM1	1.8	0.3	6.0		
20	19001319	Nguyễn Đức	Chương	13/10/2004	19T4-KTD2		V			
21	19000683	Đỗ Chí	Cường	28/04/2002	19T4-NNA1	6.5				
22	20001833	Nguyễn Ngọc Khánh	Đan	05/12/2005	20T4-QKS1	5.8				

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi				Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Sử	
23	19001379	Lâm Thành	Đăng	23/09/2004	19T4-TKW1			9.0		
24	20000141	Nguyễn Văn	Danh	15/03/2000	20T4-ĐCN1	0.3				
25	20002021	Nguyễn Thành	Danh	15/07/2005	20T4-LĐL1		8.3	7.5		
26	20000386	Đặng Ngọc	Đạt	30/10/2005	20T4-CNÔ2	5.0	5.0	6.3		
27	18001114	Trương Nhật	Đông	10/12/2003	18T4-TKĐ2	6.8	7.5	9.5		
28	20004860	Phí Văn	Đức	24/02/2005	20T4-CĐT1	6.3	9.5	6.3		
29	20001371	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	03/03/2005	20T4-KLB1	5.0				
30	19001209	Trần Nguyễn Khánh	Duy	13/10/2003	19T4-TKĐ2	5.0	3.0	5.0		
31	20001572	Trần Anh	Duy	28/09/2005	20T4-THU1	3.5				
32	20000610	Phạm Phú Bảo	Duy	14/11/2004	20T4-VSL1	7.8				
33	20001979	Vũ Hương	Giang	27/12/2005	20T4-KTD1		0.5	2.8		
34	20001647	Đỗ Minh	Giang	05/11/2005	20T4-TKW1	V				
35	19000253	Huỳnh Châu Ngọc	Giàu	31/07/2004	19T4-TKĐ1	3.3				
36	20000008	Trần Gia	Hân	02/01/2004	20T4-TKĐ1	6.5	9.3	10.0		
37	19000237	Huỳnh Ngọc	Hân	02/10/2004	19T4-KTD1	3.8				
38	20001370	Phún Tiến	Hào	01/08/2003	20T4-QKS1		9.3			
39	20000582	Nguyễn Huỳnh Hồ	Hậu	07/10/2005	20T4-CNÔ3	V	V	V		
40	19000269	Dương Thị Thúy	Hiền	14/07/2004	19T4-TKĐ1	5.0	9.3	2.5		
41	20000261	Nguyễn Công	Hiền	24/01/2005	20T4-CNÔ1	5.0		5.0		
42	20003345	Nguyễn Minh	Hiền	16/10/2005	20T4-CKC1	3.5				
43	19000191	Võ Nguyễn Quang	Hiệp	29/09/2003	19T4-CNÔ1	5.0		6.5		
44	19002058	Phan Thiệu Thanh	Hiệp	03/07/2002	19T4-CMT2	V				
45	18001164	Nguyễn Vũ Minh	Hiếu	05/10/2003	18T4-CMT1	4.0	6.0	7.5		
46	19000284	Huỳnh Hà Công	Hiếu	15/08/2004	19T4-CNÔ2	6.5	8.0	8.0		
47	19002076	Huỳnh Văn	Hòa	05/07/2004	19T4-LĐL1	V	V	V		
48	17002225	Nguyễn Thanh	Hoàng	08/04/2002	17T4-QTM1	8.8	9.3	9.5		
49	20001587	Nguyễn Huy	Hoàng	08/06/2005	20T4-TĐH1	3.0	5.5	5.0		

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi				Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Sử	
50	20002460	Nguyễn Thái	Học	27/05/2005	20T4-VSL1	3.8	7.5	7.5		
51	18001790	Trương Sơn	Hùng	01/05/2003	18T4-VSL2	2.8	7.3	7.0		
52	19000148	Nguyễn Kim	Hùng	01/01/2004	19T4-CNÔ1	3.3		5.0		
53	20001059	Nguyễn Mạnh	Hùng	24/02/2005	20T4-TĐH1	4.0	8.0	3.3		
54	19001208	Hồ Quốc	Huy	20/11/2004	19T4-LTM2	7.0	8.5	6.0		
55	20000045	Lê Nguyễn Gia	Huy	23/08/2005	20T4-CCK1	V	8.0	10.0		
56	20002160	Bùi Lê Quốc	Huy	03/11/2005	20T4-CĐT1	7.3	9.0	6.5		
57	20001553	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	29/08/2005	20T4-CMT1	3.5				
58	20001330	Nguyễn Vũ	Huy	10/07/2005	20T4-LDL1	0.8				
59	20000165	Nguyễn Xuân	Huy	29/03/2005	20T4-NNA1	8.5	10.0	7.5		
60	20001341	Hoàng Đức	Huy	15/09/2005	20T4-THU1	4.3				
61	20001702	Nguyễn Quang	Khải	27/10/2005	20T4-CMT1	4.0				
62	20000594	Nguyễn Dương Gia	Khang	12/10/2005	20T4-KLB1	1.5	9.5	3.0		
63	20002050	Phan Nguyễn Duy	Khang	05/10/2005	20T4-QTM1	6.3		5.0		
64	20001550	Nguyễn Đình Minh	Khang	09/03/2005	20T4-QTM2	5.0		1.5		
65	20002476	Lương Trần	Khang	05/11/2005	20T4-TKW1	5.5	9.0	5.5		
66	18001256	Nguyễn Đăng	Khoa	27/05/1999	18T4-VSL2	3.3	2.8	V		
67	20001928	Vũ Anh	Khoa	08/09/2005	20T4-ANM1	7.5	7.0	7.3		
68	20000225	Vũ Minh	Khoa	30/06/2005	20T4-TKĐ3			5.0		
69	20000469	Lê Nguyễn Anh	Khoa	11/06/2005	20T4-TKW1	5.8				
70	20000944	Nguyễn Vũ Đăng	Khoa	27/06/2004	20T4-TKW1	V				
71	20002249	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	28/01/2005	20T4-CKC1	5.0				
72	20001451	Ngô Đăng	Khôi	21/07/2005	20T4-LTM2	6.3	8.5	6.5		
73	20000326	Lê Minh	Khôi	31/05/2005	20T4-TĐH1	6.5	9.0	6.5		
74	20001364	Trần Đình Anh	Khôi	15/01/2005	20T4-THU1	1.0	5.3			
75	20000080	Trần Tuấn	Kiệt	24/07/2005	20T4-CKC1	3.0	5.0	6.5		
76	20007973	Nguyễn Tuấn	Kiệt	23/07/2005	20T4-CNÔ1	2.0	5.8	6.0		

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi				Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	Sử	
77	20002223	Nguyễn Anh	Kiệt	08/06/2005	20T4-VSL1	5.0	6.8	5.0		
78	19001367	Trần Bảo Gia	Lâm	10/09/2004	19T4-CNÔ3	5.5	9.0	5.3		
79	19000910	Nguyễn Vũ Hữu	Lộc	19/06/2004	19T4-CMT1	6.0	9.0	5.8		
80	19000847	Phạm Ngọc	Long	12/09/2004	19T4-CMT1	6.5	9.5	2.0		
81	19000701	Nguyễn Hoàng	Long	21/01/2004	19T4-NNA1			6.0		
82	19000209	Trần Hải Hoàng	Long	04/08/2004	19T4-QTM1			7.0		
83	19001903	Nguyễn Huỳnh Phi	Long	29/06/2004	19T4-VSL2	7.8	8.0	5.3		
84	20000555	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Long	05/04/2004	20T4-ĐCN1	5.0		1.3		
85	20001003	Võ Thành	Long	31/10/2005	20T4-ĐCN1	6.8	9.0	6.5		
86	20002108	Nguyễn Hoàng Đức	Minh	30/04/2005	20T4-CNÔ5	7.5	8.5	5.0		
87	20001295	Phạm Đức	Minh	04/10/2005	20T4-ĐĐT1	5.8	6.8	6.5		
88	20000459	Chí Hoài	Minh	13/12/2005	20T4-TKĐ1			V		
89	18004113	Ngô Quốc	Nam	09/10/2001	18T4-VSL2	4.0	5.5	6.0		
90	19000839	Trần Thành	Nam	27/03/2004	19T4-CNÔ4	V	V	V		
91	20000726	Trần Phương	Nga	01/01/2005	20T4-KLB1	5.3	8.8	8.3		
92	20005207	Lê Yến	Ngân	08/02/2004	20T4-TKW1	5.5				
93	20002816	Nguyễn Thị Khánh	Nghi	28/11/2005	20T4-CNM1	5.0	9.3	5.0		
94	20002199	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16/09/2005	20T4-KTD1	4.0				
95	20001501	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	24/01/2005	20T4-TKĐ3			5.5		
96	20002122	Trần Thị Thảo	Nguyên	01/01/2005	20T4-KLB1			5.0		
97	20000686	Vũ Phúc	Nguyên	24/05/2005	20T4-THU1	5.8	9.0	5.0		
98	20001654	Lê Hoàng	Nguyễn	18/06/2005	20T4-THU1	5.3				
99	20001412	Nguyễn Dương Minh	Nguyệt	20/08/2005	20T4-QTM1			5.8		
100	20001637	Đỗ Thành	Nhân	11/06/2005	20T4-CNÔ5	5.3	5.0	5.3		
101	18000494	Hà Minh	Nhật	23/12/2000	18T4-QTM1	7.0	10.0	8.0		
102	18002575	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	24/11/2003	18T4-NNA3	3.8	6.8	5.3		
103	20002631	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	23/06/2005	20T4-NNA2	7.0		6.3		

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi				Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Sử	
131	20002675	Trần Mạnh	Tài	05/11/2004	20T4-LTM2	3.0		5.0		
132	20001796	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	19/05/2005	20T4-KLB1	2.0	5.0			
133	20005195	Tạ Minh	Tâm	03/11/2004	20T4-QKS1	5.5				
134	20000506	Hồ Huệ	Tâm	26/10/2005	20T4-QNH1			5.0		
135	18003422	Võ Lạc	Tân	14/11/2002	18T4-CNÔ3	7.0	8.3	7.5		
136	19000867	Đỗ Duy	Tân	14/09/2003	19T4-CNÔ4	0.5				
137	20000275	Nguyễn Trọng	Tấn	03/10/2005	20T4-CNÔ1	7.8	6.5	5.8		
138	20000650	Nguyễn Anh	Tấn	28/10/2005	20T4-TKĐ1	V				
139	20000178	Phạm Lê Minh	Thái	06/09/2005	20T4-QTM2	5.3				
140	18000348	Giang Quốc	Thắng	08/08/2003	18T4-CNÔ2	2.0	7.5	8.0		
141	20000037	Nguyễn Bảo	Thanh	08/10/2005	20T4-TKĐ1	V		V		
142	20002184	Dương Nhật	Thanh	16/11/2005	20T4-VSL1	5.0				
143	19001679	Hoàng Xuân	Thành	02/11/2004	19T4-ĐCN2	V		V		
144	20002434	Phan Công	Thành	08/07/2005	20T4-CĐT1	3.8	7.8	5.0		
145	20004837	Trương Triệu	Thành	02/11/2003	20T4-TĐH1			V		
146	20002183	Huỳnh Chí	Thành	07/11/2005	20T4-VSL1	5.0		6.8		
147	20001742	Nguyễn Trần Thanh	Thảo	29/09/2005	20T4-NNA1		7.8			
148	20005530	Nguyễn Việt	Thiên	03/07/1999	20T4-KTD1	V				
149	20002587	Hoàng Phước	Thiện	16/04/2005	20T4-ANM1	9.0	9.3	8.5		
150	20001910	Nguyễn Văn	Thọ	26/03/2005	20T4-CĐT1	5.0	3.8	5.8		
151	19003573	Lê Viết	Thông	12/10/2004	19T4-NNA3	5.5	8.5	7.3		
152	20000043	Trần Khánh Minh	Thông	25/03/2005	20T4-ANM1	6.0	6.8	8.3		
153	20000307	Nguyễn Hoàng	Thông	18/02/2001	20T4-QTD1	V				
154	19001321	Nguyễn Anh	Thư	21/11/2004	19T4-CNM1	5.3	3.8	8.0		
155	20000252	Lê Trần Minh	Thư	01/06/2005	20T4-QKS1	V	V	V		
156	20002212	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	11/10/2005	20T4-QDL1				5.5	
157	18000860	Nguyễn Hoàng Phước	Thuận	07/12/2002	18T4-QTM1	6.3	10.0	9.3		

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi				Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Sử	
158	20002179	Đồng Hoàn	Thuận	05/12/2005	20T4-QTM1			6.0		
159	19000186	Nguyễn Hồ Anh	Thy	05/03/2004	19T4-TKĐ1	6.0		5.8		
160	20000820	Đặng Mai Anh	Thy	14/09/2005	20T4-NNA1	2.8	6.5	5.5		
161	18000222	Huỳnh Đặng Phụng	Tiên	23/10/2003	18T4-NNA1			6.0		
162	19001428	Mai Trung	Tín	20/06/2004	19T4-CMT1	V		V		
163	20002572	Nguyễn Trọng	Tín	28/02/2005	20T4-TMĐ1		9.8			
164	20002424	Trần Ngọc	Trang	01/01/2005	20T4-QTM2			7.0		
165	20002362	Bùi Minh	Trí	11/12/2005	20T4-CĐT1	1.8				
166	20000375	Nguyễn Minh	Trí	12/11/2005	20T4-QTM1	1.5	4.0	5.5		
167	19002157	Châu Lê	Trọng	06/11/2004	19T4-ĐCN2	V		V		
168	19000610	Phạm Hà Phương	Trúc	20/02/2004	19T4-TKĐ1	2.0				
169	20001231	Trần Thanh	Trúc	23/09/2005	20T4-QKS1			5.0		
170	18000177	Lê Minh	Trung	12/08/2001	18T4-QTM1	7.0	9.8	9.3		
171	19001254	Nguyễn Thanh	Trung	19/01/2003	19T4-ANM2		8.5			
172	20000147	Chu Nguyễn Quang	Trung	30/07/2005	20T4-CNÔ1	2.3				
173	20001770	Nguyễn Huỳnh Quốc	Trung	03/11/2004	20T4-ĐCN1			5.0		
174	20002011	Đỗ Quang	Trung	01/02/2005	20T4-ĐHĐ1	V				
175	20003803	Tạ Đình Ngọc Phong I	Trung	27/01/2005	20T4-TKW1	3.0				
176	19000294	Trần Quang Vân	Trường	24/07/2003	19T4-NNA1	4.0		3.3		
177	19003876	Phạm Văn	Tú	07/08/2003	19T4-KXD1	V				
178	20001323	Nguyễn Trí Anh	Tú	29/01/2005	20T4-LTM2	6.3				
179	16000197	Hà Anh	Tuấn	26/09/2001	16TCN-QTM1	6.8				
180	20001491	Lê Đình Châu	Tuấn	01/01/2005	20T4-CMT1	5.0				
181	20000969	Nguyễn Hoàng	Tuấn	20/11/2005	20T4-ĐĐT1	6.8	8.0	5.0		
182	20000563	Trần Mạnh	Tuấn	07/04/2004	20T4-VSL1	8.3				
183	18000487	Hoàng Thanh	Tùng	22/11/2003	18T4-QTM1	2.0	6.5	5.0		
184	19001069	Nguyễn Võ Sơn	Tùng	19/12/2004	19T4-QTM1	5.3	5.0	5.5		

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Môn thi				Ghi chú
					Toán	Lý	Hoá	Sử	
185	20001658	Tôn Sỏi Vân	28/04/2005	20T4-QNH1	5.5				
186	20002334	Nguyễn Ngọc Tường Vi	17/07/2005	20T4-NN2			6.0		
187	20004686	Quách Giai Vĩ	04/10/2003	20T4-CĐT1		5.0	5.0		
188	19001325	Nguyễn Phú Vinh	09/01/2004	19T4-CMT1	V	V	V		
189	19000115	Nguyễn Hoàng Phúc Vinh	03/11/2004	19T4-CNÔ1	2.3	5.0	2.0		
190	20002261	Nguyễn Hữu Vinh	14/08/2003	20T4-ANM1	2.3	7.0	5.0		
191	19002215	Trần Vương Vũ	02/03/2004	19T4-CMT2	V				
192	19000631	Đặng Long Vũ	03/08/2003	19T4-CNÔ3	2.8	6.3	5.0		
193	20001793	Thiều Quang Vũ	02/12/2005	20T4-ĐCN1			5.0		
194	20001884	Võ Thị Trường Vy	02/09/2005	20T4-CNM1	5.0	2.3	3.3		
195	20001494	Nguyễn Đặng Hải Vy	16/09/2005	20T4-QDL1				5.0	
196	20004992	Phạm Thị Như Ý	07/04/2005	20T4-CNM1	5.0	5.0	1.5		
197	20001497	Nguyễn Ngọc Kim Yến	30/04/2005	20T4-QKS1	3.5				

Tổng cộng danh sách có 197 sinh viên

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ